SAO Y; Hội đồng nhân dân tỉnh; Thời gian ký: 17/07/2023 16:04:36 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 14/2023/NQ-HĐND	*Long An, ngày 12 tháng 7 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định một số nội dung chi và mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Long An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 1813/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định một số nội dung chi và mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 637/BC-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung chi và mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người nghiện ma tuý bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

b) Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và các cơ sở cai nghiện ma túy.

c) Người bị quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.

d) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Điều 2. Nội dung và mức chi

1. Đối với người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc trong thời gian cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy

a) Định mức tiền ăn hàng tháng của người cai nghiện bằng 0,9 mức lương cơ sở hiện hành. Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

b) Định mức tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với người cai nghiện nữ hàng năm của người cai nghiện bằng 0,9 mức lương cơ sở hiện hành.

c) Hỗ trợ 01 (một) bộ quần áo thường (nếu họ không có) đối với người cai nghiện bắt buộc khi chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, trở về địa phương nơi cư trú: mức chi theo giá thực tế nhưng tối đa không quá 400.000đồng/bộ/người.

2. Đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy

Chi hỗ trợ tiền ăn, quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện tự nguyện là nữ) đối với người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện công lập: bằng 70% mức chi tương tự đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại điểm a, điểm b, Khoản 1 Điều này.

3. Công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; tổ chức quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú

Chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch UBND cấp xã: Mức hỗ trợ bằng 0,6 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau: Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ tiền ăn của học viên cai nghiện ma túy bắt buộc; Nghị quyết số 68/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân đối với người đi cai nghiện tự nguyện tại cơ sở công lập; Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

2. Các nội dung, mức chi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 11 (kỳ họp lệ giữa năm 2023) thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023./.

Nơi nhận:
- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP.QH, VP.CP (TPHCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH (b/c);
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ LĐ,TB&XH;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa X;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Các Sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT (Tr).

(13)

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Nguyễn Văn Được